

Số: 157/BC-SCT

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI
THÁNG 01 VÀ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU THÁNG 02 NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI
THÁNG 01 NĂM 2022 (Phụ lục 01, 02 kèm theo)

1. Về sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 1 năm 2022 tăng 12,33% so với cùng kỳ năm trước.

Theo các phân ngành công nghiệp: (1) Công nghiệp khai khoáng giảm 42,2%, (2) công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 13,19%, (3) công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước giảm 23,19%; (4) công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,78%.

- Các sản phẩm công nghiệp tháng 01 tăng, giảm so với cùng kỳ:

+ Một số sản phẩm tăng so với cùng kỳ năm 2021: thép xây dựng ước đạt 470 nghìn tấn, tăng 13%; sữa các loại ước đạt 16,2 triệu lít, tăng 14,3%; nước khoáng ước đạt 7,2 triệu lít, tăng 10,7%; giày da các loại ước đạt 1,4 triệu đôi, tăng 34%; sợi ước đạt 4,5 nghìn tấn, tăng 25,7%; cuộn cảm ước đạt 13,9 triệu cái, tăng 29,5%; nước máy thương phẩm đạt 1,2 triệu m³, tăng 5,8%.

+ Một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm 2021: bia các loại ước đạt 16,3 triệu lít, giảm 7,8%; sản phẩm lọc hóa dầu ước đạt 551 nghìn tấn, giảm 7,1%; tinh bột mỳ ước đạt 35 nghìn tấn, giảm 30,7%; dăm gỗ nguyên liệu giấy ước đạt 52,3 nghìn tấn, giảm 43%; điện sản xuất ước đạt 150 triệu kWh, giảm 8,4%¹.

2. Tình hình hoạt động thương mại

2.1. Tình hình thị trường và giá cả hàng hoá

Tình hình lưu thông hàng hóa có tăng do nhu cầu mua sắm phục vụ Tết của nhân dân. Hàng hóa dồi dào, các mặt hàng tiêu dùng phục vụ Tết phong phú, nhiều chủng loại, bao bì đẹp; giao thông thông suốt, thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên tình hình kinh tế khó khăn, đời sống của người dân bị ảnh hưởng nên dự kiến sức mua dự kiến không cao so với Tết nguyên đán Tân Sửu 2021.

¹ Bia giảm do nhu cầu tiêu thụ giảm, sản phẩm lọc hóa dầu giảm do tháng 01/2022 nhà máy Lọc dầu Dung quất vận hành 100% công suất thiết kế trong khi tháng 01/2021 nhà máy vận hành 107% công suất; tinh bột mỳ giảm do một số nhà máy trên địa bàn đang cắt giảm công suất và có định hướng di dời Nhà máy sản xuất tinh bột mỳ Quảng Ngãi, đồng thời do ảnh hưởng của một số bệnh trên cây mỳ nên năng suất củ mỳ tươi giảm dẫn đến sản xuất tinh bột mỳ giảm.

Nhìn chung, tình hình lưu thông hàng hóa các mặt hàng thiết yếu tại thị trường Quảng Ngãi cơ bản ổn định, giá cả bình ổn. Việc đảm bảo tuân thủ mua sắm theo khuyến cáo của ngành Y tế (đeo khẩu trang, vệ sinh sát khuẩn, đo thân nhiệt,...) được thực hiện nghiêm túc tại các siêu thị, hệ thống các cửa hàng tiện lợi trên địa bàn tỉnh.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 01/2022 tăng 0,23% so với tháng 12/2021, tăng 2,61% so với cùng kỳ năm trước.

2.2. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 01 ước đạt 5.190 tỷ đồng, đạt 9,4% so với kế hoạch năm 2022 (KH: 55.000 tỷ đồng), tăng 12% so với tháng 12/2021 và tăng 13% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể: tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 4.387 tỷ đồng, tăng 14,4%; dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 534 tỷ đồng, giảm 24%; dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt 269 tỷ đồng, giảm 11,8%².

2.3. Kim ngạch xuất khẩu

Kim ngạch xuất khẩu tháng 01 ước đạt 168 triệu USD, đạt 9% kế hoạch năm (KH: 1.860 triệu USD), giảm 0,4% so với tháng 12/2021 và 25% so với cùng kỳ năm trước.

- Mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ: Thủy sản chế biến ước đạt 2,6 triệu USD, tăng 57,3%; dăm gỗ nguyên liệu giấy ước đạt 16,6 triệu USD, tăng 0,6%; may mặc ước đạt 8,1 triệu USD, tăng 95%; hàng thực phẩm chế biến ước đạt 0,46 triệu USD, tăng 6%; sợi, sợi dệt các loại, vải ước đạt 11,7 triệu USD, tăng 45%; giày, túi xách da các loại ước đạt 11,9 triệu USD, tăng 17,4%; thép ước đạt 54 triệu USD, tăng 54%; hàng hóa khác ước đạt 43,4 triệu USD, tăng 64%.

- Mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ: tinh bột sắn ước đạt 9,5 triệu USD, giảm 40%; sản phẩm cơ khí ước đạt 1,9 triệu USD, giảm 75,4%; dầu FO ước đạt 7,2 triệu USD, giảm 5,4%³.

2.4. Kim ngạch nhập khẩu

Kim ngạch nhập khẩu tháng 01 ước đạt 253 triệu USD, tăng 56,1% so với tháng 01/2021, đạt 9,3% kế hoạch năm (KH: 2.730 triệu USD), tăng 0,4% so với tháng 12/2021 và tăng 56% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là: Dầu thô, sắt thép, máy móc, phụ tùng thay thế, bông, sợi, vải, nguyên phụ liệu... phục vụ nhu cầu sản xuất ở tỉnh.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Công tác xây dựng cơ chế, chính sách, quy hoạch, đề án, chương trình, kế hoạch về phát triển công nghiệp, thương mại

1.1. Cơ chế, chính sách

² Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp nên các hoạt động lưu trú, ăn uống và dịch vụ tiêu dùng khác đều giảm, riêng dịch vụ du lịch lữ hành không phát sinh doanh thu.

³ Tinh bột sắn xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc, hiện nay các cơ quan phía Trung Quốc đã thông báo dừng thông quan hàng hóa qua các cửa khẩu, lối mở biên giới của tỉnh Lạng Sơn, Lào Cai và Quảng Ninh. Bên cạnh đó giá cước vận tải container tăng cao, việc đặt chỗ trên tàu (boot tàu) ngày càng khó khiến việc xuất khẩu sản phẩm này giảm. Sản phẩm cơ khí giảm là do sản xuất theo đơn đặt hàng.

- Hoàn thiện dự thảo Quy chế quản lý kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ và quy định mức chi cụ thể các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

- Tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc hỗ trợ chi phí phát sinh trong quá trình vận chuyển xăng dầu từ đất liền ra huyện Lý Sơn.

- Xây dựng Dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương của tỉnh Quảng Ngãi.

1.2. Quy hoạch, đề án, kế hoạch

- Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các phương hướng phát triển ngành công nghiệp, ngành thương mại; các phương án về phát triển hệ thống hạ tầng công nghiệp, hạ tầng năng lượng và hạ tầng thương mại để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của Luật Quy hoạch.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 07/01/2021 về việc triển khai Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025.

- Ban hành Quyết định số 104/QĐ-SCT ngày 14/01/2022 về Kế hoạch hành động của Sở Công Thương thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Chương trình công tác năm 2022 của UBND tỉnh.

- Xây dựng Kế hoạch số 138/KH-SCT ngày 20/01/2022 về triển khai Đề án Tái cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Phản nhiệm vụ của Sở Công Thương).

- Triển khai thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thuộc lĩnh vực ngành về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 của UBND tỉnh.

2. Công tác quản lý công nghiệp, năng lượng, kỹ thuật an toàn môi trường

- Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định Hướng dẫn xây dựng Phương án sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Báo cáo thẩm định việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Cụm công nghiệp An Sơn - Đức Lâm, huyện Mộ Đức. Hướng dẫn UBND huyện triển hồ sơ Bổ sung CCN An Hội, xã Nghĩa Kỳ vào Quy hoạch phát triển CCN trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Đánh giá và dự báo nhu cầu sử dụng điện năm 2022 và nhu cầu các năm tiếp theo đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

- Tham mưu UBND tỉnh về việc: cho phép rút hồ sơ điều chỉnh nâng công suất dự án thủy điện Nước Long, xã Pờ Ê, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum; xã Ba Tiêu, Ba Ngạc, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; điều chỉnh vị trí tuyến Đập phụ 2, nâng công suất dự án thủy điện Nước Long, xã Pờ Ê, huyện Kon Plong, tỉnh Kon

Tum; xã Ba Tiêu, Ba Ngạc, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; tích nước hồ chứa thủy điện Kà Tinh 2 - Dự án thủy điện Kà Tinh.

- Chỉ đạo các đơn vị điện lực đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục trong dịp tết năm 2022.

- Triển khai thực hiện công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong dịp tết và mùa Lễ hội Xuân năm 2022.

- Báo cáo tình hình sản xuất, cung ứng, chiết nạp, lưu trữ ô xy để phục vụ điều trị bệnh nhân Covid-19 trên địa bàn tỉnh. Đăng ký làm việc với các doanh nghiệp sản xuất, cung ứng, chiết nạp, vận chuyển, lưu trữ oxy y tế để điều trị bệnh nhân Covid-19 trên địa bàn tỉnh.

3. Thương mại và xuất - nhập khẩu

- Triển khai thực hiện “Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 2825/KH-SCT ngày 31/12/2021 về các giải pháp bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường cuối năm 2021 và dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Theo dõi tình hình cung cầu, lưu thông hàng hóa, báo cáo cho Bộ Công Thương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh theo quy định.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế Toàn diện khu vực (Hiệp định RCEP) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch hành động thực hiện “Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch phát triển thương mại điện tử, chương trình công tác về thương mại điện tử của tỉnh triển khai trong năm 2022.

- Phối hợp với các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thông tin, hướng dẫn các doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng nông sản xuất khẩu phù hợp, đảm bảo quy định, hạn chế đưa hàng hóa nông sản lên các cửa khẩu các tỉnh phía Bắc để xuất khẩu sang Trung Quốc, góp phần giảm tải việc ùn ứ hàng hóa tại các cửa khẩu của các tỉnh phía Bắc.

4. Công tác thanh tra

- Tiếp nhận 02 hồ sơ đề nghị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực của Công ty Điện lực Quảng Ngãi; đã tiến hành xác minh vụ việc vi phạm hành chính và tham mưu trình UBND tỉnh 02 dự thảo quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 tổ chức.

- Xử lý 01 đơn khiếu nại về chỉ số điện tăng đột biến không thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.

- Tham gia Đoàn thanh tra của Sở Khoa học và Công nghệ về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu; Đoàn kiểm tra liên ngành do UBND tỉnh thành lập về việc kiểm tra các cơ sở, dịch vụ có biểu hiện hoạt động cho vay nặng lãi, đòi nợ thuê và “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

5. Công tác tổ chức, hành chính, thi đua, khen thưởng

- Báo cáo việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị CCVC năm 2020; ban hành Nghị quyết Hội nghị CCVC năm 2021, ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công, phát động thi đua năm 2021.

- Báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2021; Báo cáo giải quyết hồ sơ hành chính; chấm điểm cải cách hành chính năm 2021, chấm điểm dân vận năm 2021.

- Báo cáo thành tích của Sở đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ. Nhận nhiệm vụ Khối trưởng Khối thi đua Kinh tế Ngành năm 2022.

6. Công tác khuyến công, xúc tiến thương mại

- Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố, BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi, Liên minh Hợp tác xã tỉnh để triển khai kế hoạch khuyến công, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, tiết kiệm năng lượng năm 2022 để phối hợp thực hiện trong năm 2022.

- Xây dựng Kế hoạch Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về các huyện: Minh Long, Trà Bồng, Lý Sơn.

- Trình thẩm định Phương án tự chủ tài chính năm 2022 đối với Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Quảng Ngãi.

7. Thủ tục hành chính

Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa hiện đại: Trong tháng 01 năm 2022: đã cấp lại 02 giấy phép sử dụng VLNCN; cấp 02 Giấy chứng nhận Cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu; cấp 01 Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu, xác nhận 03 hồ sơ đăng ký thực hiện Chương trình khuyến mại.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU THÁNG 02 NĂM 2022

1. Hoàn thiện dự thảo Quy chế quản lý kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ và quy định mức chi cụ thể các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trình UBND tỉnh.

2. Xây dựng Dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương của tỉnh Quảng Ngãi.

3. Tiếp tục Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các phương hướng phát triển ngành công nghiệp, ngành thương mại; các phương án về phát triển hệ thống hạ tầng công nghiệp, hạ tầng năng lượng và hạ tầng thương mại để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của Luật Quy hoạch.

4. Trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế Toàn diện khu vực (Hiệp định RCEP) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

5. Trình Hội đồng đánh giá tiêu chí lựa chọn Chủ đầu tư Cụm công nghiệp An Sơn - Đức Lâm, huyện Mộ Đức. Tổng hợp báo cáo thẩm định hồ sơ đề xuất Dự án Đầu tư xây dựng CCN Hành Đức-Hành Minh, huyện Nghĩa Hành.

6. Báo cáo công tác triển khai thực hiện các giải pháp bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022

trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

7. Triển khai công tác chuẩn bị tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Quyền của người tiêu dùng 15/3 năm 2022.

8. Tiếp tục thực hiện “Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”.

9. Xây dựng Đề án tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý là cán bộ trẻ, cán bộ nữ giai đoạn 2025 - 2030 theo Đề án số 08-ĐA/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác; Kế hoạch dân vận và quy chế dân chủ năm 2022.

10. Xây dựng Kế hoạch kiểm tra CCHC nội bộ; triển khai Kế hoạch cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022.

11. Triển khai nhiệm vụ Khôi trường Khôi thi đua Kinh tế ngành năm 2022. Triển khai các phong trào thi đua, đăng ký thi đua tập thể và cá nhân và đăng ký đề tài sáng kiến kinh nghiệm năm 2022.

12. triển khai tổ chức Phiên chợ hàng Việt về các huyện: Minh Long, Trà Bồng, Lý Sơn năm 2022 trình Sở Công Thương phê duyệt Kế hoạch.

13. Khảo sát tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để hỗ trợ kinh phí khuyến công, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, tiết kiệm năng lượng năm 2022.

14. Triển khai Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022 theo Quyết định số 2665/QĐ-SCT ngày 15/12/2021.

Trên đây là báo cáo tình hình sản xuất công nghiệp, hoạt động thương mại tháng 01, nhiệm vụ chủ yếu tháng 02 năm 2022, Sở Công Thương kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (để b/c);
- Cục CTĐP, Bộ CT;
- VP. Tỉnh ủy Quảng Ngãi;
- TT.HĐND tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Phòng PA04 Công an Tỉnh;
- Sở Công Thương các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên;
- Giám đốc Sở, các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTCTH.

GIÁM ĐỐC


Võ Văn Rân

CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

THÁNG 01 NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 157/BC-SCT ngày 24 tháng 01 năm 2021)

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Chính thức tháng 12/2021 So với tháng bình quân năm 2015	Dự tính tháng 01/2022			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 01/2022 so với cùng kỳ tháng 01/2021
				So với tháng bình quân năm 2015	Tháng báo cáo so với thực hiện tháng 12/2021	Tháng báo cáo so với tháng 01/2021	
<i>A</i>	<i>B</i>			<i>C</i>	<i>D</i>	<i>E</i>	<i>F</i>
	Chỉ số sản xuất công nghiệp	103	148.83	138.18	92.84	112.33	112.33
1	Công nghiệp khai khoáng		64.91	38.43	59.21	57.8	57.8
2	Công nghiệp chế biến, chế tạo	102.5	148.28	138.42	93.35	113.19	113.19
3	Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước		229.85	156.92	68.27	76.81	76.81
4	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải		73.46	77.68	105.74	102.78	102.78

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI THÁNG 1 NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 157/BC-SCT ngày 24 tháng 01 năm 2022)

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện tháng 12 năm 2021	Ước TH Tháng 01 năm 2022	Thực hiện tháng 1 năm 2021	Tỷ lệ (%)		
							So với tháng 12/2021	So với cùng kỳ	So với KH năm 2022
I	Sản phẩm công nghiệp chủ yếu								
1	Thủy sản chế biến	Tấn	11,200	915	970	985	106.0	98.5	8.7
2	Bánh kẹo các loại	Tấn	12,000	1,146	1,020	1,217	89.0	83.8	8.5
3	Sữa các loại trên địa bàn tỉnh	1000 lít	90,000	20,212	16,200	14,179	80.2	114.3	18.0
4	Bia các loại	1000 lít	170,000	18,115	16,257	17,626	89.7	92.2	9.6
5	Nước khoáng	1000 lít	120,000	6,591	7,225	6,527	109.6	110.7	6.0
6	Sản phẩm lọc dầu	Tấn	6,900,000	619,094	551,130	593,017	89.0	92.9	8.0
7	Phân hóa học	Tấn	31,000	2,860	2,250	2,225	78.7	101.1	7.3
8	Gạch nung các loại	1000 V	450,000	34,850	30,510	29,855	87.5	102.2	6.8
9	Đá xây dựng các loại	1000 m ³	1,400	102.84	95.55	71	92.9	133.9	6.8
10	Tinh bột mì trên địa bàn tỉnh	Tấn	55,000	40,573	35,000	50,535	86.3	69.3	63.6
11	Sản phẩm may mặc	1000 Cái	15,000	957	970	1,676	101.4	57.9	6.5
12	Điện sản xuất	Triệu kWh	1,450	204	150	164	73.5	91.6	10.3
13	Điện thương phẩm	Triệu kWh	2,250	185	170	174	91.9	97.7	7.6
14	Nước máy thương phẩm	1000 m ³	17,000	1,144	1,176	1,112	102.8	105.8	6.9
15	Dăm gỗ nguyên liệu giấy	Tấn	1,200,000	34,300	52,310	92,428	152.5	56.6	4.4
16	Cuộn cảm	1000 cái	130,000	15,287	13,916	10,743	91.0	129.5	10.7
17	Giày da các loại	1000 đôi	13,500	1,658	1,390	1,037	83.8	134.0	10.3
18	Sợi	Tấn	50,000	4,820	4,528	3,602	93.9	125.7	9.1
	Thép xây dựng	1.000 tấn	5,500	504	470	416	93.2	113.0	8.5
II	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%	99.72						
III	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	55,000	4,637	5,190	4,844	111.9	107.1	9.4
	Bán lẻ hàng hóa	"		3,962	4,387	3,834	110.7	114.4	
	Lưu trú, ăn uống	"		415	534	704	128.5	75.8	
	Du lịch	"				0.466		0.0	
	Dịch vụ khác	"		260	269	305	103.6	88.2	
IV	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	1,860	168.955	168.267	134.458	99.6	125.1	9.0
	<i>Kim ngạch xuất khẩu có vốn đầu tư trong nước</i>			88.673	88.474	81.693	99.8	108.3	
	<i>Kim ngạch xuất khẩu có vốn đầu tư nước ngoài</i>			80.282	79.793	52.765	99.4	151.2	
	Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu								

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện tháng 12 năm 2021	Ước TH Tháng 01 năm 2022	Thực hiện tháng 1 năm 2021	Tỷ lệ (%)		
							So với tháng 12/2021	So với cùng kỳ	So với KH năm 2022
1	Thủy sản	"	22	2.636	2.650	1.685	100.5	157.3	12.0
2	Tinh bột mỳ	"	130	11.449	9.522	15.883	83.2	60.0	7.3
3	Đồ gỗ	"	5	0.535	0.585	0.584	109.3	100.2	11.7
4	Dăm gỗ nguyên liệu giấy	"	175	11.953	16.652	16.556	139.3	100.6	9.5
5	May mặc	"	70	7.900	8.182	4.193	103.6	195.1	11.7
6	Hàng thực phẩm chế biến	"	5	0.685	0.465	0.439	67.9	105.9	9.3
7	Sản phẩm cơ khí	"	100	6.957	1.927	7.823	27.7	24.6	1.9
8	Dầu FO	"	85	7.090	7.250	7.667	102.3	94.6	8.5
9	Sơ, sợi dệt các loại, vải	"	180	21.535	11.711	8.049	54.4	145.5	6.5
10	Giày, túi xách da các loại	"	160	16.994	11.920	10.153	70.1	117.4	7.5
11	Thép	"	600	53.000	54.000	35.000	101.9	154.3	9.0
12	Hàng hóa khác (cuộn cảm, thiết bị, hệ thống điều phối khí xả, bọc đệm ghế, đệm lò xo, bộ phận của ghế, bộ dây điện, bộ dây nguồn, nệm mút)	"	328	28.221	43.403	26.426	153.8	164.2	13.2
V	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	2,730	252.291	253.389	162.369	100.4	156.1	9.3
	Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu								
1	Máy móc, phụ tùng thay thế	"	120	9.353	9.052	11.113	96.8	81.5	7.5
2	Sắt thép, quặng sắt	"	1,500	136.306	136.063	80.104	99.8	169.9	9.1
3	Dầu thô	"	660	58.560	51.460	42.057	87.9	122.4	7.8
4	Vải và nguyên phụ liệu may mặc	"	260	34.262	34.661	18.105	101.2	191.4	13.3
5	Bông các loại	"	140	9.640	19.020	7.863	197.3	241.9	13.6
6	Nguyên liệu, hương liệu, vật liệu sản xuất bia, sữa, bánh kẹo	"	4	0.359	0.258	0.283	71.9	91.2	6.5
7	Khác	"	46	3.811	2.875	2.844	75.4	101.1	6.3